TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Thanh Tuấn;
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Long;
2. Ông Lê Hữu Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Hân – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, về việc *Ly hôn tranh chấp về nuôi con*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố Đồng Minh, thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; (nay là khu phố Đồng Minh, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Nơi ĐKHKTT: Khu phố Đồng Minh, thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; (nay là khu phố Đồng Minh, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa)

Chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là Thôn 5, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa).

Tại phiên tòa vắng mặt anh Bình, Chị T. Anh Bcó đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2025, bản tự khai ngày 12/02/2025 nguyên đơn Anh Trần Văn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Minh (sau là thị trấn Hậu Hiền), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 24/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, chửi bới xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, nên vợ chồng sống ly thân nhau đầu năm 2016 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Bđề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh B trình bày vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 07/7/2006; cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 23/3/2012 và cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 28/7/2015. Vợ chồng ly hôn anh B đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ánh D, giao Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Yến N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Trần Thị Ngọc A đã đủ 18 tuổi, cháu ở với ai tùy cháu, anh B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho chị Nguyễn Thị T, nhưng Chị T không đến Tòa án. Vì vậy không có quan điểm trình bày của Chị T, đồng thời Tòa án không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa anh Bvà Chị T được, thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 1 điều 207 Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa vắng mặt anh B, Chị T. Anh B đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt anh B vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn Chị Nguyễn Thị T, về con chung anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thị Ánh D, sinh ngày 23/3/2012, giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 28/7/2015, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đối với cháu Trần Thị Ngọc A đã đủ 18 tuổi, cháu ở với ai tùy cháu, anh B không yêu cầu giải quyết. Về tài sản anh B không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản

1, Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: đề nghị xử cho Anh Trần Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 23/3/2012, cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 28/7/2015 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi chon con chung.

Về án phí: Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T, Chị T có hộ khẩu và nơi cứ trú tại khu phố Đồng Minh, thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là khu phố Đồng Minh, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa), nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

Anh Trần Văn B và Chị Nguyễn Thị T đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, anh Bcó đơn xin xét xử vắng mặt, Chị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điển b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bình, Chị T.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Minh (sau đó là thị trấn Hậu Hiền), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 24/11/2005 và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, cải vả xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh Bvà Chị T sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương thị trấn Hậu Hiền (nay là xã Thiệu Toán) cho biết anh Bvà Chị T kết hôn với nhau tự nguyện, quá trình vợ chồng anh Bchung sống, địa phương không nắm được tình trạng mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị. Địa phương chỉ nắm bắt được Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2020 cho đến nay, khi về nhà mẹ đẻ thì Chị T đưa theo con gái thứ ba về ngoại. Hiện nay cháu đầu và cháu thứ hai đang ở cùng anh B. Anh B Chị T sống ly thân nhau đã lâu, như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải

quyết vụ án cũng như trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Bđều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Bđược ly hôn Chị T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh Bkhai nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Thị Ngọc An, sinh ngày 07/7/2006; cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 23/3/2012 và cháu Trần Thị Yến N sinh ngày 28/7/2015. Anh B xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Trần Thị Ngọc A Trần Thị Ánh D và Trần Thị Yến N có ghi họ tên bố là Trần Văn B, họ tên mẹ là Nguyễn Thị T, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Trần Thị Ngọc A, cháu Trần Thị Ánh D và cháu Trần Thị Yến N là con chung của anh B, Chị T. Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ánh Dương, giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Yến N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án Chị T không có bản tự khai trình bày ý kiến nên không có quan điểm của Chị T về việc nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 21/4/2025 cháu Nguyễn Thị Ánh D có nguyện vọng được ở với bố, nếu bố mẹ ly hôn, cháu Nguyễn Thị Yến N có nguyện vọng được ở với mẹ, nếu bố mẹ ly hôn. Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng lâu nay cháu Nguyễn Thị Ánh D đang ở với ánh B, cháu Nguyễn Thị Yến N ở với Chị T, các cháu đang ở rất ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 23/3/2012 cho anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dướng, giao cháu Trần Thị Yến N sinh ngày 28/07/2015, cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4]. Về tài sản và công nợ: Anh Bkhông yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 227; điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho Anh Trần Văn B ly hôn Chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 23/3/2012 cho Anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Yến N sinh ngày 28/07/2015 cho Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh Bcó quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Trần Văn B phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005173 ngày 12/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thanh Hóa). (Anh Bđã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh B, Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND khu vực 3 – Thanh Hóa,
- TAND tỉnh Thanh Hóa,
- UBND xã Thiệu Toán;
- THADS Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thanh Tuấn